| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐOAN HÙNG**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Vũ Thường
*Các Hội thẩm nhân dân*:
Ông Nguyễn Văn Bình
Ông Nguyễn Đức Cường
***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trường Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.
***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Minh Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Đình T, sinh năm 1992
Cư trú tại: Thôn a, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ
- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1993
Đăng ký HKTT: Thôn a, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.
Nơi ở hiện nay: Xóm b, thôn 2, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
Anh T có mặt, chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Trần Đình T trình bày: Anh và chị Phạm Thị Y tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ năm 2014. Sau khi kết hôn, chị Y chuyển hộ khẩu về và chung sống cùng gia đình nhà anh tại xã Đ, huyện Đ. Hai vợ chồng cùng đi làm công nhân tại Khu công nghiệp SA, huyện Đ. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh sinh được một cháu không may lại mắc bệnh máu trắng (tủy sống không sản xuất được hồng cầu), hàng tháng đều phải đưa cháu đi bệnh viện truyền máu, chi phí tốn kém, cả hai đều đi làm không xin nghỉ mãi được, cộng với bạn bè gièm pha nên vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn căng thẳng. Đến tháng 7/2018 chị Y đã bỏ về quê ở Quảng Ngãi không quay lại nữa, vợ chồng ly thân

từ đó đến nay. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng kéo dài, không còn khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Y.

Trong bản tự khai ngày 14/6/2019, bị đơn là chị Phạm Thị Y xác nhận về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như anh T đã trình bày. Theo chị, nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do tính cách khác nhau, nên khi sống chung thường xuyên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng lại không có nghề nghiệp ổn định, áp lực kinh tế khiến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 7/2018 chị đã bỏ về quê ở tỉnh Quảng Ngãi, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T xin ly hôn, chị nhất trí.

- Về con chung: Anh T và chị Y xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Phạm Chu B, sinh ngày 01/12/2014, hiện đang ở với anh T. Sau ly hôn, anh T và chị Y thống nhất, anh T sẽ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bin, chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T và chị Y đều xác nhận không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa ra ý kiến đề nghị giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

- Về con chung: Giao cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Phạm Chu B, sinh ngày 01/12/2014. Anh T không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con nên không phải giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T và chị Y đều xác định không có nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn là anh Trần Đình T cư trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của vợ chồng với bị đơn là chị Phạm Thị Y, có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Tuy hiện nay chị Y về ở nhà bố mẹ đẻ tại huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, nhưng chị Y nhất trí để Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ giải quyết việc ly hôn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, tuy chị Y vắng mặt nhưng chị Y có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đình T và chị Phạm Thị Y kết hôn với nhau năm 2014, trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đây là một hôn nhân

hợp pháp. Quá trình chung sống, hai bên hòa thuận không lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 7/2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không có trách nhiệm với nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị Y đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc bền vững không đạt được. Đến nay anh T và chị Y đều nhất trí ly hôn, cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Anh T và chị Y xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Phạm Chu B, sinh ngày 01/12/2014, hiện đang ở với anh T. Sau khi ly hôn, chị Y nhất trí để anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, anh T không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thỏa thuận việc nuôi con của anh T và chị Y là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T và chị Y đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Đình T và chị Phạm Thị Y.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Đình T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Phạm Chu B, sinh ngày 01/12/2014. Chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T. Chị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Định T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền anh T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2017/0003173, ngày 14/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Anh T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Y vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã Đ;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Lê Vũ Thường**